

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày 07-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Cường và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Lu Vinh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh T (Tên gọi khác: S), sinh năm 1993 tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thị V; chưa có vợ và con; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/5/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”, chấp hành án tại Trại giam Gia Trung thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an, ngày 06/5/2014, chấp hành xong hình phạt về địa phương, bản án này đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ ngày 14/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

- Người bị hại:

1. Anh Trần Anh T1, sinh năm 1992; địa chỉ: 98 đường T, tổ 11, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Anh Trần Hồng Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn K, xã K, thị xã S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Võ Vĩnh T2, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 29/6/2017, Nguyễn Thanh T điều khiển xe mô tô biển số 81F5-5689 đi dạo trên các tuyến đường ở thành phố P, mục đích tìm nhà ai để tài sản sơ hở thì vào trộm cắp. Khi đi đến trước số nhà 98 đường T, phường Y, thấy có rạp đám cưới nên T dừng lại, để xe cách rạp khoảng 15 mét rồi đi bộ vào bên trong rạp, thấy anh Trần Hồng Q và anh Trần Anh T1 đang nằm ngủ gần bục làm lễ cưới, bên cạnh anh Q có chiếc điện thoại hiệu Samsung Galaxy Note 5, bên cạnh anh T1 có chiếc điện thoại hiệu Iphone 6S Plus nên T đi đến lấy 02 chiếc điện thoại này bỏ vào túi quần, rồi ra điều khiển xe chạy thoát. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, anh Q và anh T1 ngủ dậy thì phát hiện bị mất 02 chiếc điện thoại nên trên nên có nói lại với anh Võ Vĩnh T2 (Là em rể của anh Q, đang lo tổ chức đám cưới ở đây) biết. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, anh T2 gọi vào số điện thoại 01649575259 (là số điện thoại của anh T1) thì T nghe máy nên anh T2 xin chuộc lại 02 chiếc điện thoại của Q và T1. T nói với anh T2: *“Chiếc điện thoại Samsung Galaxy đã bán, còn cho chuộc chiếc Iphone với giá 2.000.000 đồng, tại khu vực cổng Công viên D”* và thỏa thuận là anh T2 để 2.000.000 đồng vào bì nylon rồi bỏ vào bụi cây cạnh cổng ra vào Công viên D, anh T2 đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 81F5-5689 đến nhà của Đỗ Văn T3 và nói cho T3 biết việc T đã trộm cắp được 02 chiếc điện thoại, bây giờ đi lấy tiền cho chuộc điện thoại, T3 đồng ý. Cũng trong thời gian này, anh T2 lấy 2.000.000 đồng bỏ vào bì nylon rồi đi đến Công viên D để chuộc lại chiếc điện thoại cho anh T1. Trên đường đi, anh T2 vào trụ sở Cảnh sát 113 Công an tỉnh Gia Lai để trình báo sự việc. Lúc này, anh Lê Thanh B và anh Lê Duy Đ (là cán bộ Đội Cảnh sát 113 Công an tỉnh Gia Lai) cùng với anh T2 đi vào khu vực Công viên D để truy bắt T. Như đã thỏa thuận, anh T2 để bì nylon bên trong có 2.000.000 đồng vào bụi cây cạnh cổng ra vào Công viên D, rồi gọi điện thoại chỉ chỗ để tiền cho T. T điều khiển xe mô tô chở T3 đi đến trước quán cà phê Đen ở đường L thì dừng lại và nhờ T3 đi đến cổng Công viên D lấy tiền dùm T. T3 đồng ý và điều khiển xe đi, còn T đứng chờ tại đây. Khi đến cổng Công viên D, do không thấy bì tiền để ở đâu nên T3 quay lại chỗ T. Khi T3 đang đi thì T gọi điện thoại cho T3 và nói: *“Có tiền rồi, để trong bụi cây gần cổng”* nên T3 quay xe lại đến chỗ như T chỉ dẫn để lấy tiền. Khi T3 vừa lấy bì nylon bên trong có 2.000.000 đồng mà anh T2 để ở đây thì bị lực lượng Cảnh sát 113 bắt giữ, đồng thời thu giữ tang vật, gồm: 2.000.000 đồng và chiếc xe mô tô biển số 81F5-5689. Thấy T3 bị bắt giữ, T bỏ chạy thoát về nhà. Sau đó, T lấy 02 chiếc điện thoại đã trộm cắp của anh Q và anh T1 đưa cho anh Nguyễn Thanh H là anh ruột của T và nhờ anh H đem 02 chiếc điện thoại này đến giao nộp cho Công an thành phố P, rồi T bỏ trốn. Đến ngày 14/10/2017, Nguyễn Thanh T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P

đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đối với Đỗ Văn T3, sau khi bị bắt giữ cùng tang vật, do không có cơ sở để xử lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã cho gia đình bảo lãnh về nhà.

Bị cáo Nguyễn Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh T thống nhất như cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 30/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản, tại Bản kết luận về việc định giá tài sản số 140/KL-HĐĐG ngày 30/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P, đã kết luận:

“01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus 64 Gb, vỏ màu vàng, mua từ tháng 4/2017, sử dụng đến ngày 29/6/2017 bị chiếm đoạt, hiện đã thu hồi được; có giá trị là 9.000.000 đồng.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 5, vỏ màu vàng, mua từ tháng 4/2017, sử dụng đến ngày 29/6/2017 bị chiếm đoạt, hiện đã thu hồi được; có giá trị là 5.000.000 đồng.”.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81F5-5689 đã thu giữ của Đỗ Văn T3, qua điều tra xác định: Đây là chiếc xe mà Nguyễn Thanh T sử dụng đi trộm cắp tài sản. Qua điều tra xác định: Chủ sở hữu của chiếc xe này là ông Nguyễn Thanh L - là cha của T. Việc T sử dụng xe này để đi thực hiện hành vi phạm tội thì ông L không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho ông L chiếc xe trên.

Đối với Đỗ Văn T3 là người đã được bị cáo Nguyễn Thanh T kể lại cho biết việc T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản rồi được T nhờ đi lấy tiền chuộc điện thoại do T trộm cắp mà có. Tuy nhiên, T3 không trực tiếp trao đổi, cầm điện thoại và không có mục đích tư lợi trong việc này. Mặt khác, bị cáo Nguyễn Thanh T phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên hành vi của Đỗ Văn T3 không đủ yếu tố cấu thành tội: “*Không tố giác tội phạm*”. Hiện Đỗ Văn T3 không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ thì xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về những kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 14/CTr-VKS ngày 02/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 33, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T với mức án từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2017.

Về dân sự: Người bị hại là anh Trần Hồng Q đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 và anh Trần Anh T1 đã nhận lại chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 64 Gb và 2.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội như sau:

Vào khoảng 02 giờ ngày 29/6/2017, tại rạp đám cưới trước số nhà 98 đường T, tổ 11, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Thanh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus 64 Gb có giá trị 9.000.000 đồng của anh Trần Anh T1 và chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Note 5 có giá trị 5.000.000 đồng của anh Trần Hồng Q. Đến ngày 14/10/2017, Nguyễn Thanh T ra đầu thú.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền một cách bất chính nên đã cố tình chiếm đoạt tài sản của bị hại. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P quyết định truy tố ra trước Tòa án để xét xử đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một hình phạt tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 29/5/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 18 tháng tù về tội “*Curóp giật tài sản*”. Mặc dù, bị cáo đã được xóa án tích, nhưng có căn cứ để nhận định rằng, sau khi chấp hành xong hình phạt nêu trên, bị cáo vẫn không có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; không có ý thức tự cải tạo bản thân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T với một mức án nghiêm khắc để bị cáo có đủ thời gian học tập, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, cũng xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ý thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và đến Công an thành phố P đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho người bị hại và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về dân sự: Quá trình tham gia tố tụng, người bị hại là anh Trần Anh T1 và anh Trần Hồng Q đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết về vấn đề này.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Modern 105, Type RM-908, số Imei 357780/06/401992/6 màu xanh đen và 200.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thanh T, qua điều tra xác định các tài sản này là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần hoàn trả lại cho bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Đỗ Văn T3 là người đã được bị cáo Nguyễn Thanh T kể lại cho biết việc T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản rồi được T nhờ đi lấy tiền chuộc điện thoại do T trộm cắp mà có. Tuy nhiên, T3 không trực tiếp trao đổi, cầm điện thoại và không có mục đích tư lợi trong việc này. Mặt khác, bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 nên hành vi của Đỗ Văn T3 không đủ yếu tố cấu thành tội:

“*Không tố giác tội phạm*”. Hiện Đỗ Văn T3 không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ thì sẽ xem xét và xử lý sau.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81F5-5689 đã thu giữ của Đỗ Văn T3, qua điều tra xác định: Chiếc xe này là tài sản của ông Nguyễn Thanh L - là cha của T, việc Nguyễn Thanh T sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội, ông Nguyễn Thanh L không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại chiếc xe này cho ông Nguyễn Thanh L là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, Điều 33, Điều 45, điểm p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 12 (*mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2017.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử: Hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh T 1 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Modern 105, Type RM-908, số Imei 357780/06/401992/6 màu xanh đen và 200.000 đồng.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/02/2018 giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P)

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với những người tham

gia tố tụng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- UBND phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền